TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HUỆ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05/2018/QĐST-HNGĐ	*Đức Huệ, ngày 16 tháng 01 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 228/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2017 giữa:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Minh T - Sinh năm 1986 - Địa chỉ: 114/2 ấp T1, xã T2, huyện T3, tỉnh B.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ P - Sinh năm 1979 - Địa chỉ: Ấp A, xã B 1, huyện Đ, tỉnh L.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Minh T - Sinh năm 1986 - Địa chỉ: 114/2 ấp T1, xã T2, huyện T3, tỉnh B và bà Nguyễn Thị Mỹ P - Sinh năm 1979 - Địa chỉ: Ấp A, xã B 1, huyện Đ, tỉnh L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông Phạm Minh T và bà Nguyễn Thị Mỹ P thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ P được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Nhật N, sinh ngày 24/6/2012. Hiện con chung đang sống với bà P. Ông Phạm Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông T được quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, ông T và bà P có quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà P cho rằng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Minh T và bà Nguyễn Thị Mỹ P mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm (biên lai thu số 0008132 ngày 05/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ). Ông T tự nguyện nộp thay phần án phí của bà P. Sau khi khấu trừ tiền án phí dân sự sơ thẩm với tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông T đã nộp, ông T và bà P đã nộp đủ án phí. Trả lại cho ông T 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- UBND xã Thạnh Hải, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre; (ghi sổ hộ tịch)
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Thị Bích Liên